

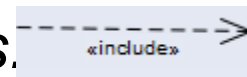
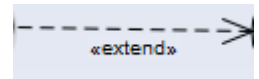
Usecase Diagram- continue

Usecase Diagram

- Association: Là mối quan hệ giữa actor, usecase. Gồm 3 loại:
 - Giữa Actor và Usecase
 - Giữa Actor và Actor: quan hệ tổng quát, kế thừa (*generalization hoặc inheritance*)
 - Giữa các Usecase: <<extend>>, <<include>>, <<use>>

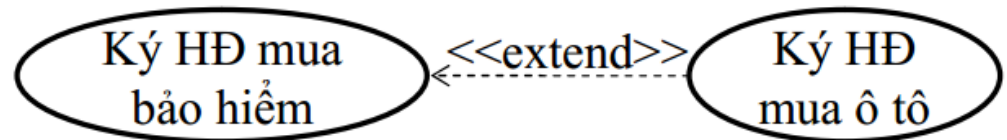
Usecase Diagram

- Mỗi quan hệ *"Actor-Use case"*: đường liền nét, không có mũi tên.
- Mỗi quan hệ *"Actor-Actor"*: đường liền nét, có mũi tên đóng.
- Mỗi quan hệ *"Use case-Use case extend"*: đường đứt nét, mũi tên mở, gán nhãn "`<<extend>>`"
- Mỗi quan hệ *"Use case-Use case include"*: đường đứt nét, mũi tên mở, gán nhãn "`<<include>>`"
- Mỗi quan hệ *"Use case-Use case inherits"*: đường liền nét, mũi tên đóng



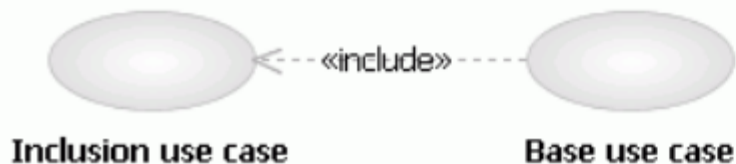
Usecase Diagram

- <<extend>>
 - Một số Usecase đã tồn tại cung cấp một phần những chức năng cần thiết cho một Usecase mới.
 - Usecase mới được gọi là Usecase mở rộng. Usecase gốc là một Usecase hoàn thiện.
 - Usecase mở rộng không nhất thiết phải sử dụng toàn bộ hành vi của Usecase gốc.



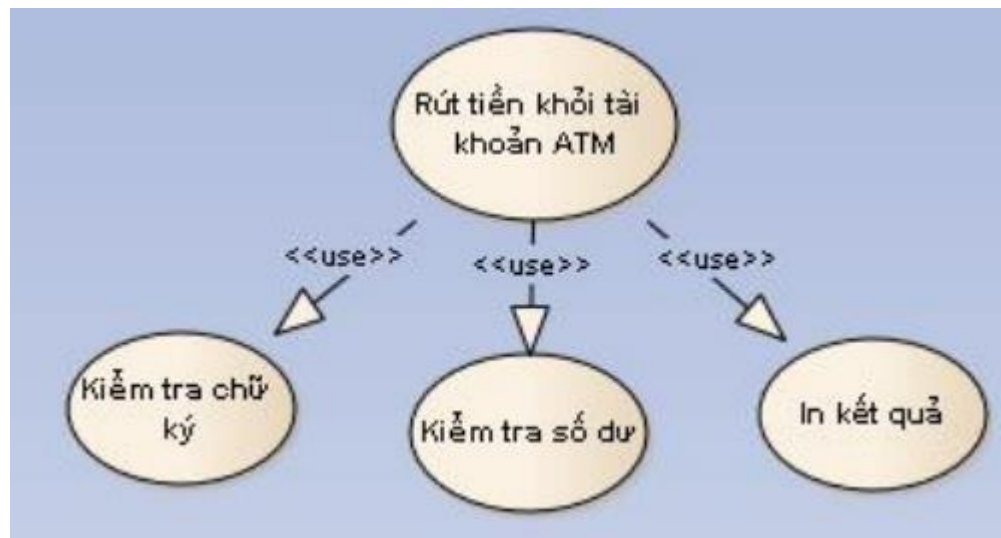
Usecase Diagram

- <<include>>
 - Nếu thấy có những phần mở rộng trong một Usecase có thể được tách ra để làm đơn giản cho Usecase thì có thể tách ra thành một Usease mới nằm trong Usecase ban đầu.



Usecase Diagram

- <<use>>
 - Khi một nhóm Usecase cùng chung một hành vi nào đó thì hành vi này có thể tách riêng thành một Usecase riêng biệt và nó có thể được sử dụng bởi những Usecase kia. Các Usecase này không cần phải được sử dụng trong cùng một tiến trình. Chúng có thể được trộn lẫn với các hành động xảy ra trong Usecase chuyên biệt hóa...



Usecase Diagram

- Abuse Usecase
 - Một Abuse Usecase là một Usecase mà kết quả của sự tương tác có gây hại cho hệ thống, các actor, hoặc một trong những stakeholder trong hệ thống. Một tương tác gây hại nếu nó làm giảm an ninh (bảo mật, toàn vẹn, sẵn sàng) của hệ thống